

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **162/2021/DS-ST**  
Ngày: 14 - 7 - 2021  
Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Sáu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Hữu Danh;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2021/QĐXXST-DS ngày 09/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 387/QĐST-DS ngày 24/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ X, ấp Q, xã QT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim P, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ Y, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Do quen biết, ngày 12/9/2015 ông Bùi Văn H có cho bà Phạm Thị Kim P vay số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng và 6,5 chỉ vàng 24Kara quy thành tiền là 22.750.000 (hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng; lãi suất 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng. Sau khi cho bà P vay tiền và vàng thì ông H bị tai nạn, nên không liên lạc yêu cầu bà P trả lãi hàng tháng được. Sau khi bình phục, ông H đến yêu cầu bà P trả nợ gốc, lãi nhưng bà P không thực hiện. Ngày 20/12/2020, tại Văn phòng ấp Phú Thạnh, xã Phú Hữu bà P ký tên vào Tờ nhận nợ và hứa thanh toán. Do đó, ông H yêu cầu bà P thanh toán tổng nợ gốc, lãi 104.750.000 đồng.

Tòa án đã triệu tập hòa giải 2 lần nhưng bà P vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bà P. Ông H có yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử.

Về tài liệu, chứng cứ: Ông H cung cấp Tờ nhận nợ ngày 20/12/2020 có chữ ký của bà Phạm Thị Kim P; giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú; xác minh việc bà P ký tên trong Tờ nhận nợ ngày 20/12/2020.

Tại phiên tòa,

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Bùi Văn H; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa có căn cứ xác định, ngày 12/9/2015 bà Phạm Thị Kim P có nhận vay của ông Bùi Văn H 10.000.000 đồng và 6,5 chỉ vàng 24Kara (quy thành tiền là 22.750.000 đồng). Bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm hợp đồng. Do đó buộc bà P phải có trách nhiệm trả phần nợ vay và lãi suất. Tuy nhiên, về lãi suất, ông H yêu cầu tính lãi suất mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng trên vốn vay là cao so với quy định. Đề nghị điều chỉnh lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc bà P vay tiền, vàng của ông H nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận, nên ông H khởi kiện. Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Phạm Thị Kim P cư trú ấp Phú Thạnh, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt. Nguyên đơn ông Bùi Văn H có đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa; bị đơn bà Phạm Thị Kim P vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Ông H có yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H và bà P.

[1.3] Về thời hiệu: Trong vụ án này các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Mặc dù hợp đồng vay tài sản giữa bà P và ông H thực hiện từ năm 2015. Tuy nhiên, ngày 20/12/2020 bà P có thừa nhận nợ và hứa thanh toán. Ngày 23/02/2021 ông H có đơn khởi kiện. Căn cứ Điều 157 của Bộ luật Dân sự, thì thời hiệu được tính lại từ ngày 20/12/2020. Xác định vụ việc còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về chứng cứ: Ông H xác định ngày 12/9/2015 bà P có nhận vay của ông H 10.000.000 đồng và 6,5 chỉ vàng 24Kara nhưng chỉ trao đổi bằng lời nói. Sau đó ông H nhiều lần đòi nhưng bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn, lãi. Ngày 20/12/2020 tại ban áp Phú Thạnh, xã Phú Hữu bà P đã ký tên vào Tờ nhận nợ. Tòa án tiến hành lập biên bản tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ, trong đó có Tờ nhận nợ do ông H cung cấp và đã thông báo cho bà P. Tuy nhiên bà P không có ý kiến về việc ông H kiện cũng như về tài liệu, chứng cứ do ông H cung cấp. Ngoài ra, Tòa án tiến hành xác minh được Ban áp Phú Thạnh cho biết: Ngày 20/12/2020, Ban áp Phú Thạnh có hòa giải vụ việc bà P nợ tiền, vàng của ông H và có chứng kiến bà P ký tên vào Tờ nhận nợ. Từ đó có căn cứ xác định, trình bày của ông H về việc bà Phạm Thị Kim P có vay tiền, vàng của ông H theo Tờ nhận nợ ngày 20/12/2020 là có căn cứ.

[2.2] Về hình thức và nội dung hợp đồng: Hợp đồng vay tài sản giữa ông Bùi Văn H và bà Phạm Thị Kim P được thực hiện bằng lời nói, đến ngày 20/12/2020 thì lập thành văn bản với tên gọi Tờ nhận nợ. Nội dung Tờ nhận nợ, ngày 12/9/2015 bà P có nhận vay của ông H số tiền 10.000.000 đồng và 6,5 chỉ vàng 24 Kara. Số vàng được quy ra tiền thời điểm vay là 22.750.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận mỗi tháng 1.000.000 đồng trên toàn bộ vốn vay. Giao dịch vay tài sản giữa ông H, bà P là sự tự nguyện của các bên. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự, xác định đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2.3] Về giá trị tài sản vay: Theo Tờ nhận nợ ngày 20/12/2020 có chữ ký tên của bà Phạm Thị Kim P, thì tài sản vay gồm 10.000.000 đồng và 6,5 chỉ vàng 24 Kara. Theo ông H, khi bà P vay vàng thì quy đổi thành tiền 6,5 chỉ vàng = 22.750.000 đồng. Như vậy, tính giá vàng được quy đổi tại thời điểm vay tương đương 3.500.000 đồng/chỉ, giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.200.000 đồng/chỉ. Theo nguyên tắc có lợi cho bị đơn, nên chấp nhận giá vàng được quy đổi tại thời điểm cho vay như trình bày của ông H. Như vậy, tổng nợ bà P vay của ông H là 32.750.000 đồng.

[2.4] Về phần lãi suất: Ông H yêu cầu tính lãi suất như hai bên thỏa thuận khi vay là 1.000.00 đồng/tháng. Xét mức lãi suất 1.000.000 đồng/tháng trên toàn bộ vốn vay 32.750.000 đồng là cao so quy định của pháp luật (tương đương 3.27%/tháng). Hợp đồng vay tài sản giữa bà P và ông H được xác lập trước ngày 01/01/2017 (thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 còn hiệu lực), nhưng vẫn còn đang thực hiện. Do đó mức lãi suất được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì tiền lãi được tính trên vốn vay là 20%/năm, tương đương 1.666%/tháng. Tính từ ngày vay đến ngày xét xử là 05 (năm) năm 10 (mười) tháng 02 (hai) ngày. Tiền lãi được tính như sau:  $(32.750.000đ \times 20\% \times 5 \text{ năm} = 32.750.000đ) + (32.750.000đ \times 1.666\% \times 10 \text{ tháng} = 5.456.150đ) + ((32.750.000đ \times 1.666\% \times 2 \text{ ngày}): 30 = 36.374đ)$ . Như vậy, tổng tiền lãi = 32.750.000 đồng + 5.456.150 đồng + 36.374 đồng = 38.242.524 đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định bà Phạm Thị Kim P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H. Buộc bà Phạm Thị Kim P có trách nhiệm trả cho ông Bùi Văn H toàn bộ vốn và lãi suất tính đến ngày xét xử là 70.992.524 đồng.

### [3] Về án phí

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên bị đơn phải chịu án phí phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;*

*Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội*

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

1/ Buộc bà Phạm Thị Kim P trả cho ông Bùi Văn H 70.992.524 (bảy mươi triệu chín trăm chín mươi hai nghìn năm trăm hai mươi bốn) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, ông H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà P không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2/ Về án phí:

- Bà Phạm Thị Kim P phải chịu 3.549.962 (ba triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Bùi Văn H phải chịu 1.687.873 (một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 2.610.000 (hai triệu sáu trăm mười nghìn) đồng mà ông H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số TU/2016/0009687 ngày 03/3/2021. Hoàn lại cho ông H 922.127 (chín trăm hai mươi hai nghìn một trăm hai mươi bảy) đồng.

3/ Về quyền kháng cáo:

Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của ông Bùi Văn H và bà Phạm Thị Kim P là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TOÀ**

**Trần Văn Sáu**

